

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Quyết định số: 1801/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI BAN HÀNH (35 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
01	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (1.014260)	29 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (2) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (3) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
02	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014261)	80 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 45 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 36, 42, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
03	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014262)	34 ngày làm việc			(1) Điều 45 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 38, 44, 110, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
04	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014263)	26 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 45 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 37, 44, 110, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
05	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014264)	- 14 ngày làm việc¹. - 26 ngày làm việc².			(1) Điều 45 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 39, 44, 110, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

¹ Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

² Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
06	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (1.014268)	26 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 45 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 41, 44, 110, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
07	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (1.014271)	- 26 ngày làm việc³ - 29 ngày làm việc⁴			(1) Điều 45 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 40, 44, 110, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

³ Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nhóm I (trừ khoáng sản đất hiếm), nhóm II, nhóm III

⁴ Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đất hiếm

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
08	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (1.014273)	24 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 45 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
09	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (1.014789)	24 ngày làm việc			(1) Điều 42 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 45 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
10	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (1.014291)	12 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	(1) Điều 47 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 34 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
11	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014466)	- 57 ngày làm việc⁵. - 34 ngày làm việc⁶. - 32 ngày làm việc⁷.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 50, 51 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 49, 50, 54, 54a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

⁵ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II

⁶ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thăm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật

⁷ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thăm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
12	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (1.014289)	09 ngày làm việc			(1) Điều 73 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (3) Điều 6 Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
13	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (1.014290)	10 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 73 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (3) Điều 7 Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
14	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014788)	26 ngày làm việc			(1) Điều 59a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (2) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (3) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
15	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014257)	- 12 ngày làm việc⁸. - 22 ngày làm việc⁹. - 55 ngày làm việc¹⁰. - 70 ngày làm việc¹¹.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 61, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

⁸ Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 12 ngày làm việc (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc)

⁹ Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

¹⁰ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản

¹¹ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
16	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014265)	- 55 ngày làm việc¹². - 70 ngày làm việc¹³.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 61, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

¹² Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản

¹³ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
17	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014266)	- 10 ngày làm việc¹⁴. - 18 ngày làm việc¹⁵. - 34 ngày làm việc¹⁶.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 62, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

¹⁴ Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

¹⁵ Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

¹⁶ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
18	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014267)	- 05 ngày làm việc¹⁷. - 10 ngày làm việc¹⁸. - 17 ngày làm việc¹⁹. - 18 ngày làm việc²⁰. - 34 ngày làm việc²¹.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 64, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ

¹⁷ Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản nhóm IV để phục vụ công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản

¹⁸ Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

¹⁹ Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoáng định và công bố đề nghị: Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; Điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá tảng phủ, xen kẹp được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản

²⁰ Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; Thay đổi hoặc bổ sung công trình, dự án sử dụng khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

²¹ Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoáng định và công bố đề nghị: Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; Tăng hoặc giảm công suất khai thác; Thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; Trả lại một phần diện tích khai thác; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; Tăng mức sâu khai thác hoặc mở rộng ranh giới khu vực khai thác sau khi kết quả thăm dò xuống sâu, mở rộng được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền công nhận; mở rộng ranh giới khu vực khai thác khoáng sản nhằm khai thác tối đa trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt hoặc công nhận trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; Điều chỉnh nội dung chế biến khoáng sản, mục đích sử dụng, tiêu thụ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 16/01/2026

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					trưởng Bộ Công Thương. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
19	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014269)	- 25 ngày làm việc ²² . - 34 ngày làm việc ²³ .	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn .	(1) Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 65, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

²² Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

²³ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
20	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014270)	34 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	(1) Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 66, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
21	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014272)	- 17 ngày làm việc ²⁴ - 34 ngày làm việc ²⁵ .	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 61, 67, 153 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (7) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

²⁴ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác

²⁵ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị: (1) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác hoặc không quy định thời hạn khai thác; (2) Thực hiện việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản đồng thời thuộc nhiều trường hợp sau: không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác, không quy định thời hạn khai thác, không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
22	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014295)	- 90 ngày ²⁶ ; - Trước 31/12/2026 ²⁷ .	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 99 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 131, 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

²⁶ Đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực; giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực nhưng không phải đóng cửa mỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản

²⁷ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
23	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (1.014274)	63 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích.	(1) Điều 82, 83 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 103 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
24	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (1.014276)	60 ngày làm việc	- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	(1) Điều 82, 83 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 104 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
25	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (1.014277)	26 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 82, 83 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 105 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
26	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (1.014278)	- 07 ngày làm việc²⁸. - 29 ngày làm việc²⁹. - 50 ngày làm việc³⁰.			(1) Điều 84 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

²⁸ Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV

²⁹ Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản

³⁰ Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
27	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (1.014279)	26 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 69 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 79, 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
28	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (1.014280)	16 ngày làm việc			(1) Điều 69 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 80, 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
29	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (1.014281)	- 16 ngày làm việc³¹ - 09 ngày làm việc³².	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 69 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 81, 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

³¹ Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm

³² Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân: * Cách thực hiện: Nộp hồ sơ về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
30	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (1.014282)	16 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích.	(1) Điều 69 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 82, 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
31	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (1.014283)	16 ngày làm việc	- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 69 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 83, 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (5) Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
32	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014256)	- 44 ngày làm việc³³. - 13 ngày làm việc³⁴. - 11 ngày làm việc³⁵.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	(1) Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 96, 97, 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

³³ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản

³⁴ Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản

³⁵ Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
33	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (1.014292)	09 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (6) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
34	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (1.014787)	22 ngày làm việc			(1) Điều 04 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 100a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. (5) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
35	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (1.014294)	13 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	(1) Điều 33 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ MỚI BAN HÀNH (02 TTHC)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
01	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (1.014258)	- 13 ngày làm việc ³⁶ . - 44 ngày làm việc ³⁷ .	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn .	(1) Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 96, 97, 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
02	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (1.014259)	90 ngày			(1) Điều 99 Luật Địa chất và khoáng sản. (2) Điều 131, 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ. (4) Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

³⁶ Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản

³⁷ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản